

Bản án số: **54/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/9/2024

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thành Hưng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Thảo, ông Nguyễn Văn Quyết.
- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 458/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Nh, sinh năm 1993
 - Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988.
- Đều ĐKKHKT tại: xã Liên Hồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
Chị Nh vắng mặt, anh T có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Vũ Thị Nh trình bày: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên Hồng, thành phố Hải Dương ngày 26/10/2012. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Do hoàn cảnh khó khăn nên chị đi làm xa để phát triển kinh tế gia đình. Trong thời gian đó vợ chồng không có điều kiện quan tâm trực tiếp và không gần gũi với nhau nên tình cảm lạnh nhạt. Thỉnh thoảng chị có gọi điện cho anh T Nhng vợ chồng hay cãi vã nên chị không liên lạc với anh T nữa. Thực tế vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích chung của cuộc hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị C, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2013. Con chung ở với anh T từ nhỏ, hơn nữa cháu có nguyện vọng ở với bố nên chị đồng ý để anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con đến khi thành niên. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đ/ tháng kể từ tháng 09 năm 2024 cho đến khi con chung thành niên. Ngoài ra vào các dịp lễ tết, đầu năm học chị sẽ hỗ trợ thêm anh T một phần để đảm bảo việc sinh hoạt cũng Nh học tập của con.

-Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung với gia đình hai bên: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và tại phiên tòa bị đơn anh T trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn của vợ chồng chị Nh trình bày là hoàn toàn đúng. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc, vui vẻ được khoảng 3 năm thì chị Nh đi lao động nước ngoài, hai vợ chồng xa cách nên không thường xuyên quan tâm, chia sẻ. Năm 2019, anh phát hiện chị Nh có tình cảm trên mức bạn bè với người khác, kể từ đó vợ chồng luôn nghi ngờ và không tin tưởng nhau. Sau khi vợ chồng trả hết nợ chung, chỉ khi anh hoặc con gọi điện thì chị Nh mới gửi tiền về cho anh. Một mình anh phải gánh vác trang trải cuộc sống, lo hiếu hỉ họ hàng nội ngoại hai bên. Chị Nh có thái độ không tôn trọng gia đình anh nên khi về nước đã về thẳng nhà mẹ đẻ ở. Nay anh xác định, anh chị không còn tình cảm, níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc, nên chị Nh đề nghị ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị C, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2013, hiện đang ở cùng gia đình anh. Anh nhất trí nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Nh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đ/ tháng kể từ tháng 9/2024 cho đến khi con chung thành niên, anh hoàn toàn nhất trí. Hiện nay anh là thợ xây, thu nhập trung bình hơn 10 triệu/ tháng, anh khẳng định có đủ điều kiện để nuôi con phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Anh xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, anh đề nghị chị Nh phải đưa cho anh một khoản tiền khoảng 200 triệu là số tiền anh đã chi phí công việc hiếu hỉ gia đình hai bên trong thời gian chị Nh làm ăn xa, đồng thời cũng để anh lo toan việc học hành cho con chung sau này được chu đáo hơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn giữ nguyên quan điểm không bổ sung thay đổi nội dung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83,110,116,117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ vợ chồng: Xử chị Vũ Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị C, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Về án phí: Chị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn hiện cư trú tại thành phố Hải Dương và trên cơ sở yêu cầu của đương sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai Nhgng nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh, anh T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và không có sự yêu thương, tôn trọng nhau. Chị Nh xin ly hôn, anh T nhất trí. Điều đó chứng tỏ, cả hai anh chị đều không muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này. Anh chị đã ly thân nhiều năm nay không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nh ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị C, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2013. Hiện nay con đang ở ổn định và có nguyện vọng ở với anh T, chị Nh nhất trí. Do vậy cần giao cháu C cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi con thành niên là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83, 110, 116,117 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Chị Nh, anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nh xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T yêu cầu chị Nh phải có trách nhiệm đưa cho anh một khoản tiền khoảng 200 triệu là số tiền anh đã chi phí công việc hiếu hỉ gia đình hai bên trong thời gian chị Nh làm ăn xa, đồng thời cũng để anh lo toan việc học hành cho con chung sau này được chu đáo hơn. HĐXX nhận thấy, việc hiếu hỉ là đối nhân xử thế và sự tự nguyện của mỗi người mà không ai bị ép buộc phải làm; còn việc yêu cầu chị Nh đưa tiền để anh lo toan việc học hành cho con chung sau này được chu đáo hơn của anh T là chính đáng. Tuy nhiên tại điều 117 Luật hôn nhân gia đình quy định việc cấp dưỡng có thể thực hiện hàng tháng, hàng quý hoặc một lần; chị Nh là người không trực tiếp nuôi con và đã lựa chọn phương thức cấp dưỡng đều đặn hàng tháng là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần giải thích và hướng dẫn cho anh làm đơn khởi kiện kèm theo các tài liệu liên quan để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, tuy nhiên đến ngày Tòa án xét xử vẫn không nhận được văn bản nào liên quan đến nội dung trên của anh T, cho nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Nh

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Nh ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị C, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2013 cho đến khi con chung thành niên. Chị Nh có nghĩa vụ vấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 (Hai triệu đồng)/ 1 tháng kể từ tháng 9/2024 đến khi con chung thành niên. Chị Nh được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Chị Vũ Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con Nhng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006365 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị Nh còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Liên Hồng, TP Hải Dương để lưu hồ tịch (ĐKKH: 26/10/2012);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành Hưng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành Hưng